

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGHI SƠN  
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quốc Kiên

Ông Nguyễn Văn Dương

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Ánh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:* Bà

Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 của TAND thị xã Nghi Sơn giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị P** - Sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: **Tiểu khu E, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**

*Bị đơn:* Anh **Lê Công V** - Sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: **Thôn K, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.**

Nơi đăng ký tạm trú: **Tổ G, KP Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Bùi Thị P** trình bày:*

Chị và anh **Lê Công V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 30/6/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mâu

thuần ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **V**.

Về con chung: Chị và anh **V** có 01 con chung là **Lê Công Bảo N**, sinh ngày 17/2/2018. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Bảo N**; chị yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con thành niên.

Về tài sản và công nợ: Chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 18/7/2024 anh **Lê Công V** trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị **P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T (nay là thị xã N), tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 30/6/2017. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có mâu thuẫn về chỗ ở và đồng cảm cho nhau nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người ở mỗi nơi. Nay chị **P** làm đơn ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị **P**.

Về con chung: Anh và chị **P** có 01 con chung là **Lê Công Bảo N**, sinh ngày 17/2/2018. Anh đồng ý để chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **N**. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **N** mỗi tháng 2.000.000đ như yêu cầu của chị **P**.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu toà án giải quyết.

Anh có đơn đề nghị lựa chọn và đồng ý thống nhất để Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn là nơi giải quyết xét xử vụ án ly hôn giữa anh chị. Ngoài ra, anh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và xin vắng mặt tại phiên toà vì lý do bận công việc.

*Kết quả xác minh tại địa phương:*

**Bùi Thị P** và anh **Lê Công V** đăng ký kết hôn ngày 30/6/2017 tại **UBND xã H, huyện T (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa)**. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống ở **xã H** một thời gian rồi vào **miền N** làm ăn. Anh chị có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, vợ chồng không hạnh phúc nên chị **P** về sống ở **phường H** còn anh **V** đi làm ăn ở miền nam. Anh chị có một con chung là **Lê Công Bảo N**, sinh ngày 17/2/2018. Hiện tại cháu **N** đang ở cùng chị **P**, phát triển tốt.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **P**, cho chị **P** được ly hôn anh **V**; về con chung: Đề nghị giao cháu **Lê Công Bảo N** cho Chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **V** có nghĩa cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị **P** 2.000.000đ/tháng. Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh **V** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh **V** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị **Bùi Thị P**:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị **P** và anh **V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T (nay là thị xã N), Thanh Hóa** ngày 30/6/2017 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay mỗi người ở mỗi nơi không quan tâm đến nhau. Chị **P** làm đơn ly hôn, anh **V** cũng đồng ý ly hôn. Chứng tỏ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị **P** yêu cầu ly hôn anh **V** là có cơ sở là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Lê Công Bảo N**, sinh ngày 17/02/2018. Hiện nay cháu **N** đang ở cùng Chị **P**. Anh **V** đồng ý để chị **P** tiếp tục nuôi con. Chị **P** có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh **V** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ. Anh **V** đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **N** cùng chị **P** mỗi tháng 2.000.000đ. Sự thoả thuận của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[4] Về tài sản và vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí ly hôn, anh **V** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị P.**

- Về hôn nhân: Chị **Bùi Thị P** được ly hôn anh **Lê Công V.**

- Về con chung:

Anh chị có 01 con chung là **Lê Công Bảo N**, sinh ngày 17/2/2018. Giao cháu **N** cho chị **P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **P** mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu **Lê Công Bảo N** đủ 18 tuổi.

Anh **V** được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản và công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **P** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0007107 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Chị **P** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh **V** phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Bùi Thị P** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Lê Công V** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Hải Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thanh Huyền**

